MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2

MÔN: VẬT LÍ 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nội dung kiến thức | Số câu hỏi theo các mức độ | | | | | | | | Tổng | | Ghi chú |
| Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Vận dụng cao | |
| Số câu | Thời gian (phút) | Số câu | Thời gian (phút) | Số câu | Thời gian (phút) | Số câu | Thời gian (phút) | Số câu | Thời gian (phút) |
| 1 | Tự cảm | 1 | 4 | 1 | 6 |  |  |  |  | 2 | 12 |  |
| 2 | Khúc xạ và phản xạ toàn phần | 1 | 4 | 1 | 3 | 1 | 5 |  |  | 3 | 12 |  |
| 3 | Thấu kính | 1 | 4 |  |  | 1 | 5 | 1 | 12 | 3 | 21 |  |
| Tổng điểm | | 4 | | 3 | | 2 | | 1 | | 10 |  |  |
| Tỉ lệ (%) | | 40% | | 30% | | 20% | | 10% | | 100% |  |  |

Lưu ý:

Câu 1,2,3: (nhận biết) là câu hỏi giáo khoa, chọn 2 câu trong tài liệu “câu hỏi giáo khoa cuối kì 2”.

Câu 3: (nhận biết): quang hình – đường truyền tia sáng qua thấu kính.

Câu 4: (thông hiểu) liên quan đến phản xạ toàn phần.

Câu 5: (thông hiểu) gồm câu a và câu b trong phần tự cảm (câu a hỏi 1 trong các đại lượng liên quan đến công thức độ tự cảm, câu b hỏi 1 trong các đại lượng liên quan đến công thức suất điện động tự cảm).

Câu 6: (vận dụng) liên quan đến thấu kính (độ tụ, vị trí vật, vị trí ảnh, độ phóng đại).

Câu 7: (vận dụng) liên quan đến khúc xạ ánh sáng (tính góc hợp bởi 2 trong 3 tia: tia tới, tia phản xạ, tia khúc xạ).

Câu 8: (vân dụng cao) liên quan đến thấu kính (dời vật, dời thấu kính, thay đổi thấu kính).

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2

MÔN: VẬT LÍ 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nội dung | Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh gia | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức | | | | Ghi chú |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| 1 | Tự cảm | Nhận biết  - Trường hợp nào có hiện tượng tự cảm.  - Độ lớn suất điện động tự cảm phụ thuộc vào những đại lượng nào.  - Ứng dụng của hiện tượng tự cảm.  Thông hiểu  - Hiểu ý nghĩa các đại lượng có trong công thức:    - Nắm được công thức tính suất điện động tự cảm: | 1 | 1 |  |  |  |
| 2 | Khúc xạ ánh sáng và phản xạ toàn phần | Nhận biết  - Cách truyền tia sáng trong hiện tượng khúc xạ.  - Đặc điểm của tia khúc xạ.  - Giải thích hiện tượng mặt đường có vẻ ướt nước lúc trưa nắng.  - Vì sao pha lê, kim cương sáng lóng lánh.  Thông hiểu  - Nắm được khái niệm phản xạ toàn phần, điều kiện để xảy ra phản xạ toàn phần và công thức tính góc giới hạn phản xạ toàn phần.  Vận dụng  - Vận dụng các hệ thức trong định luật khúc xạ ánh sáng để tính chiết suất, góc tới, góc khúc xạ ...  - Tính được góc hợp bởi 2 trong 3 tia (tia tới, tia phản xạ, tia khúc xạ). | 1 | 1 | 1 |  |  |
| 3 | Thấu kính | Nhận biết  - Cách truyền tia sáng qua thấu kính.  Vận dụng  - Tính được tiêu cự của thấu kính qua độ tụ.  - Tính được vị trí ảnh, tính chất và độ phóng đại của ảnh.  Vận dụng cao  - Vận dụng các công thức của thấu kính để tìm vị trí mới của vật.  - Vận dụng các công thức của thấu kính để tìm tiêu cự của thấu kính.  - Vận dụng các công thức của thấu kính để tính số phóng đại của ảnh. | 1 |  | 1 | 1 |  |
| Tổng số câu | | | 3 | 2 | 2 | 1 |  |
| Tỉ lệ % | | | 37,5% | 25% | 25% | 12,5% |  |
| Tỉ lệ chung | | | 62,5% | | 37,5% | |  |

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2(HỌC SINH HÒA NHẬP)

MÔN: VẬT LÍ 11 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 phút

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nội dung kiến thức | Số câu hỏi theo các mức độ | | | | | | | | Tổng | | Ghi chú |
| Nhận biết | | Thông hiểu | | Vận dụng | | Vận dụng cao | |
| Số câu | Thời gian (phút) | Số câu | Thời gian (phút) | Số câu | Thời gian (phút) | Số câu | Thời gian (phút) | Số câu | Thời gian (phút) |
| 1 | Tự cảm | 1 | 4 | 1 | 10 |  |  |  |  | 2 | 14 |  |
| 2 | Khúc xạ và phản xạ toàn phần | 1 | 4 | 1 | 4 | 1 | 6 |  |  | 3 | 14 |  |
| 3 | Thấu kính | 1 | 4 | 1 | 7 | 1 | 6 |  |  | 3 | 17 |  |
| Tổng điểm | | 4 | | 4 | | 2 | |  | | 10 |  |  |
| Tỉ lệ (%) | | 40% | | 40% | | 20% | |  | | 100% |  |  |

Lưu ý:

Câu 1,2,3: (nhận biết) là câu hỏi giáo khoa, chọn 2 câu trong tài liệu “câu hỏi giáo khoa cuối kì 2”.

Câu 3: (nhận biết): quang hình – đường truyền tia sáng qua thấu kính.

Câu 4: (thông hiểu) liên quan đến phản xạ toàn phần.

Câu 5: (thông hiểu) gồm câu a và câu b trong phần tự cảm (câu a hỏi 1 trong các đại lượng liên quan đến công thức độ tự cảm, câu b hỏi 1 trong các đại lượng liên quan đến công thức suất điện động tự cảm).

Câu 6: (thông hiểu) liên quan đến thấu kính (vị trí ảnh).

Câu 7: (vận dụng) liên quan đến thấu kính (độ tụ, vị trí vật, vị trí ảnh, độ phóng đại).

Câu 8: (vận dụng) liên quan đến khúc xạ ánh sáng (tính góc hợp bởi 2 trong 3 tia: tia tới, tia phản xạ, tia khúc xạ).

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ 2(HỌC SINH HÒA NHẬP)

MÔN: VẬT LÍ 11 – THỜI GIAN LÀM BÀI: 45 PHÚT

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nội dung | Mức độ kiến thức, kĩ năng cần kiểm tra, đánh gia | Số câu hỏi theo mức độ nhận thức | | | | Ghi chú |
| Nhận biết | Thông hiểu | Vận dụng | Vận dụng cao |
| 1 | Tự cảm | Nhận biết  - Trường hợp nào có hiện tượng tự cảm.  - Độ lớn suất điện động tự cảm phụ thuộc vào những đại lượng nào.  - Ứng dụng của hiện tượng tự cảm.  Thông hiểu  - Hiểu ý nghĩa các đại lượng có trong công thức:    - Nắm được công thức tính suất điện động tự cảm: | 1 | 1 |  |  |  |
| 2 | Khúc xạ ánh sáng và phản xạ toàn phần | Nhận biết  - Cách truyền tia sáng trong hiện tượng khúc xạ.  - Đặc điểm của tia khúc xạ.  - Giải thích hiện tượng mặt đường có vẻ ướt nước lúc trưa nắng.  - Vì sao pha lê, kim cương sáng lóng lánh.  Thông hiểu  - Nắm được khái niệm phản xạ toàn phần, điều kiện để xảy ra phản xạ toàn phần và công thức tính góc giới hạn phản xạ toàn phần.  Vận dụng  - Vận dụng các hệ thức trong định luật khúc xạ ánh sáng để tính chiết suất, góc tới, góc khúc xạ ...  - Tính được góc hợp bởi 2 trong 3 tia (tia tới, tia phản xạ, tia khúc xạ). | 1 | 1 | 1 |  |  |
| 3 | Thấu kính | Nhận biết  - Cách truyền tia sáng qua thấu kính.  Thông hiểu  - Hiểu vị trí ảnh cách thấu kính.  Vận dụng  - Tính được tiêu cự của thấu kính qua độ tụ.  - Tính được vị trí ảnh, tính chất và độ phóng đại của ảnh. | 1 | 1 | 1 |  |  |
| Tổng số câu | | | 3 | 3 | 2 |  |  |
| Tỉ lệ % | | | 37,5% | 37,5% | 25% |  |  |
| Tỉ lệ chung | | | 75% | | 25% | |  |